

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

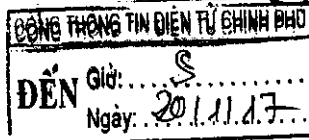
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03 /2017/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 06 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định việc thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6309 /TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mức thu, thời hạn nộp; trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Mức thu và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Mức thu

Mức thu	$ \begin{aligned} &\text{Diện tích đất} \\ &\text{chuyên trồng lúa} \\ &= \text{nước chuyển sang} \\ &\text{đất phi nông} \\ &\text{nghiệp} \end{aligned} $	$ \begin{aligned} &\times \text{Giá của loại đất trồng lúa} \\ &\text{theo Bảng giá đất đang} \\ &\text{được áp dụng tại thời} \\ &\text{điểm chuyển mục đích sử} \\ &\text{dụng đất do Ủy ban nhân} \\ &\text{dân tỉnh ban hành} \end{aligned} $	$ \begin{aligned} &\times 50\% \end{aligned} $
---------	---	--	--

2. Thời hạn nộp

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan thuế, các đối tượng ở Điều 2 phải nộp 50% số tiền theo Thông báo.
- Trong vòng 60 ngày tiếp theo, phải nộp 50% số tiền còn lại theo Thông báo.

Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Cơ quan tài nguyên và môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước các cấp: Thực hiện tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính của đối tượng ở Điều 2 Quyết định này theo quy định hiện hành.

2. Cục Thuế tỉnh:

Căn cứ hồ sơ và thông tin địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến để xác định và ra thông báo cho đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này về số tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Theo dõi việc thu, hạch toán, quản lý khoản thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

b) Hàng năm, căn cứ vào số tiền thu được đã nộp ngân sách và trên cơ sở tổng hợp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhu cầu của các huyện, thành phố trong bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Hàng năm, tổng hợp phương án bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo. Rà soát, đối chiếu với quy hoạch, định hướng của tỉnh trong bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, có ý kiến đề xuất, phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt theo đúng quy định.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới chất lượng đất lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt. Hàng năm, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả khai hoang, phục hoá, cải tạo đất trồng lúa trên địa bàn.

6. Các sở, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện các quy định có liên quan tại Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ TNMT (kiểm tra);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Website Chính phủ; /
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Báo Đồng khởi; Đài PT-TH tỉnh (đưa tin);
- Ban tiếp công dân (niêm yết);
- N/c TCĐT, KT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng